

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đức	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2025)
Ông Phạm Văn Đồng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Ông Chu Văn Đức	Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/3/2025)

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường
Phường Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

*đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN X20



Chu Văn Đệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2026





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, Kế toán, Thuế

Số: *0908.02* -26/BC-TC/V&E

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ngô Bá Đạt

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	Đơn vị tính: VND 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	100		406.414.181.317	498.601.724.905
1. Tiền	110	V.1.	132.743.221.348	231.086.174.686
	111		72.743.221.348	231.086.174.686
	112		60.000.000.000	-
2. Các khoản tương đương tiền	120	V.2.	25.904.122.466	400.000.000
	123		25.904.122.466	400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.904.122.466	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.904.122.466	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.886.945.049	75.129.916.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	97.659.327.181	54.984.146.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	3.243.602.228	20.496.135.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	984.015.640	1.021.745.262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	-	(1.372.110.876)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	142.028.472.059	178.244.994.817
1. Hàng tồn kho	141		144.395.608.163	180.683.060.322
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.367.136.104)	(2.438.065.505)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.851.420.395	13.740.638.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	1.976.071.356	1.627.045.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.736.919.734	11.548.410.168
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14.	138.429.305	565.183.134
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192.798.799.848	190.471.610.788
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.900.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	3.900.000	-
II. Tài sản cố định	220		173.610.568.272	171.783.151.455
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	162.190.642.288	160.647.097.243
- Nguyên giá	222		531.422.058.684	505.115.770.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(369.231.416.396)	(344.468.673.439)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	11.419.925.984	11.136.054.212
- Nguyên giá	228		13.552.332.847	12.856.806.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.132.406.863)	(1.720.752.135)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.351.202.127	2.489.371.153
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	2.351.202.127	2.489.371.153
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	3.931.375.462	3.611.812.514
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.931.375.462	3.611.812.514
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.901.753.987	12.587.275.666
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	12.901.753.987	12.587.275.666
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		599.212.981.165	689.073.335.693

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

NGUỒN VỐN	Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh
31/12/2025		01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	307.107.647.915
I. Nợ ngắn hạn	310	294.667.616.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	151.197.764.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	593.560.976
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	10.194.106.485
4. Phải trả người lao động	314	89.364.715.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	7.437.472.259
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	534.559.781
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	11.744.400.133
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2.772.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12.391.866.730
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	8.437.170.573
II. Nợ dài hạn	330	12.440.031.751
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	363.181.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	1.858.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	7.715.173.006
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	2.503.677.245
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	292.105.333.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	292.105.333.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	87.117.686.342
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	32.487.646.908
- LNST chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước	421a	7.020.878.102
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	25.466.768.806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	599.212.981.165
		689.073.335.693

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị







Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Đơn vị tính: VND Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.115.545.482.734	1.301.769.510.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1.115.545.482.734	1.301.769.510.923
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	916.016.435.110	1.062.228.738.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		199.529.047.624	239.540.772.295
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	3.756.906.179	2.320.635.915
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	935.563.858	137.375.414
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		867.078.067	487.613
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		709.763.492	623.802.722
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	9.732.843.830	36.631.342.894
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	150.363.300.487	148.116.309.206
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		42.964.009.120	57.600.183.418
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.430.110.044	295.639.194
13. Chi phí khác	32	VI.6.	114.087.414	339.796.462
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.316.022.630	(44.157.268)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		44.280.031.750	57.556.026.150
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	9.536.767.690	11.794.996.114
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10.	-	537.271.278
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.743.264.060	45.223.758.758
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		34.743.264.060	45.223.758.758
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	1.781	1.958

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024	Đơn vị tính: VND
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		44.280.031.750	57.556.026.150	
1.	Lợi nhuận trước thuế					
2.	Điều chỉnh cho các khoản					
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		32.002.124.335	33.832.284.971	
-	Các khoản dự phòng	03		(42.604.272.583)	34.036.857.185	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(45.325.520)	(132.916.648)	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.303.803.299)	(1.570.254.085)	
-	Chi phí lãi vay	06		867.078.067	487.613	
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.134.033.696)	3.487.903.403	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.061.799.054	127.210.388.589	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.581.488.700)	29.666.531.755	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		36.287.452.159	45.861.019.897	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(45.801.812.266)	1.053.648.085	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(663.504.220)	(4.741.440.860)	
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(867.078.067)	(487.613)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.338.851.936)	(7.808.859.483)	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.575.265.193)	(8.099.027.601)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.478.749.169)	183.141.772.769	
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.815.667.720)	(12.137.112.645)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		195.878.558	244.622.222	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.504.122.466)	-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(100.000.000)	
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.232.220.335	1.325.631.863	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.891.691.293)	(10.666.858.560)	

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2025	Năm 2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	-	13.553.421.517
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.772.000.000)	(294.248.511)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.250.000.000)	(10.350.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			(23.022.000.000)	2.909.173.006
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)			(98.392.440.462)	175.384.087.215
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			231.086.174.686	55.568.521.339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			49.487.124	133.566.132
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)			70 V.1. 132.743.221.348	231.086.174.686

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chức tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh thì Vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;

- Xây dựng nhà các loại;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;

- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;

- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Trụ sở chính của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01, KCN Hòa Xã, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	TDP An Thái, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 phố Tuệ Tĩnh, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 04, KCN Tây Bắc Gá, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp chủ sở hữu:

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
------------	---------

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xi nghiệp Thương mại
- Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam
2. Xi Nghiệp Đo may Quần áo
- Phường Phúc Đồng, Long Biên, TP. Hà Nội
3. Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần X20
- Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4. Trường mầm non X20
- Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 1.911 người (Tại ngày 31/12/2024: 1.922 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tại tất cả các Công ty con là 100% nên không có lợi ích cổ đông không kiểm soát.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty.

Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phân ảnh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là Tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong tương hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCD**8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCD hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản khác	02 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua phần mềm chuyên dụng cho ngành dệt may và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các chi phí chính phát sinh trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước thuế tiền thuê đất Quốc phòng, chi phí dự án xây dựng nhà chung cư, các chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa dựa trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ để ghi nhận doanh thu theo thời gian thực tế thuê của hợp đồng.

17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong năm và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dự hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản; doanh thu tiền lãi và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (từ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

21. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CỘNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm may mặc và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	72.743.221.348	231.086.174.686
Tiền gửi ngân hàng	6.199.162.528	2.362.378.468
Tiền đang chuyển	66.417.211.407	228.723.796.218
	126.847.413	-
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	60.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (1)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đồng Đa (2)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thái Nguyên (3)	10.000.000.000	-
Cộng	132.743.221.348	231.086.174.686

- (1) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%.
- (2) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đồng Đa có kỳ hạn từ 1-3 tháng, lãi suất 4,75%.
- (3) Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thái Nguyên có kỳ hạn 02 tháng, lãi suất từ 4,4%/năm, lãi ghi nhận cuối kỳ, hợp đồng không tự động gia hạn.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

Ngân hạn	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Giá trị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nha	104.122.466	100.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (2)	3.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Láng Hạ	17.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (5)	5.000.000.000	-
Cộng	25.904.122.466	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- (1) Khoản tiền gửi theo hợp đồng số 1052720567 ngày 06/12/2024 với thời hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, trả lãi cuối kỳ. Hợp đồng tự động gia hạn.
- (2) Khoản tiền gửi theo hợp đồng số 336.25.05433692670.TG.DN ngày 19/9/2025 với thời hạn 6 tháng, lãi suất 4,95%/năm, trả lãi cuối kỳ.
- (3) Các khoản tiền gửi với thời hạn từ 4 - 6 tháng, lãi suất 4,55 - 6,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.
- (4) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 380/2023/2311 ngày 29/6/2023, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 5,2%/năm, trả lãi vào cuối kỳ. Hợp đồng tự động gia hạn.
- (5) Khoản tiền gửi với thời hạn từ 12 tháng, lãi suất 5,4%/năm, trả lãi cuối kỳ.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần 199 (*)	1.659.000.000	2.272.375.462	3.931.375.462	1.659.000.000	1.952.812.514	3.611.812.514
Cộng	1.659.000.000	2.272.375.462	3.931.375.462	1.659.000.000	1.952.812.514	3.611.812.514

(*) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 31/12/2025, khoản đầu tư nêu trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngân hạn</i>			
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	10.474.110.000	-	-
Công ty CP sản xuất và Thương mại Kim Anh	7.051.084.952	-	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	57.466.768.943	-	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân Đội	4.204.592.012	-	10.371.135.463
Công ty Dầu tư Sản xuất và Thương mại Hòa An	-	-	1.038.257.550 (1.038.257.550)
Công ty CP Dệt - May Nha Trang - CN Hồ Chí Minh	120.499.242	-	779.530.144
Tổng cục thuế	-	-	14.512.798.450
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	-	-	3.821.974.200
Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Quân đội	-	-	2.065.546.000
Công ty CP Thời trang Haki	5.262.137.280	-	3.063.581.600
Các đối tượng khác	13.080.134.752	-	19.331.323.210 (333.853.326)
Cộng	97.659.327.181	-	54.984.146.617 (1.372.110.876)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngân hạn</i>			
Công ty TNHH phát triển VBM Việt Nam	-	1.723.031.521	-
Jiangsu Saga Textile Machinery Co., Ltd	-	744.725.745	19.127.781.120
Công ty CP VBM Thịnh vượng	-	775.844.962	1.368.354.520
Các đối tượng khác	-	-	-
Cộng	-	3.243.602.228	20.496.135.640

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngân hạn</i>			
Tam tưng	-	1.021.745.262	-
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	-	49.284.050	-
Phải thu khác	-	306.967.100	-
Dư nợ phải trả khác	-	564.740.346	-
		100.753.766	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) <i>Dài hạn</i>	3.900.000	-	-
	Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	-	-
	Cộng	987.915.640	-

6. Nợ xấu	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2025	01/01/2025

Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
---------	------------------------	---------	------------------------

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi

Phải thu khách hàng

Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Thương mại Hòa An	-	-	1.038.257.550	-
Các đối tượng khác	-	-	370.384.326	36.531.000
Cộng	-	-	1.408.641.876	36.531.000

7. Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2025	01/01/2025

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.050.479.022	(1.292.778.662)	21.734.480.308	(883.864.078)
Công cụ, dụng cụ	570.577.844	-	490.492.511	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.317.459.840	-	28.425.828.691	-
Thành phẩm	96.399.338.365	(1.074.357.442)	126.921.478.976	(1.554.201.427)
Hàng hoá	3.057.753.092	-	3.110.779.836	-
Cộng	144.395.608.163	(2.367.136.104)	180.683.060.322	(2.438.065.505)

8. Chi phí trả trước	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2025	01/01/2025

a) <i>Ngắn hạn</i>	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.976.071.356	1.627.045.457
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	1.540.010.430	939.428.432
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	40.400.000	360.548.763
Chi phí trả trước khác	132.303.982	100.978.112
	263.356.944	226.090.150

b) <i>Dài hạn</i>	12.901.753.987	12.587.275.666
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	8.733.745.050	6.225.886.314
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	3.925.324.989	6.361.389.352
Chi phí trả trước khác	242.683.948	-
Cộng	14.877.825.343	14.214.321.123

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	287.265.086.587	181.551.992.359	23.038.204.581	8.166.195.028	5.094.292.127	505.115.770.682
Mua trong năm	-	27.817.468.746	-	235.602.091	154.000.000	28.207.070.837
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.022.204.327	-	-	56.176.524	-	5.078.380.851
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.663.603.128)	-	-	-	(4.663.603.128)
Giảm do tháo dỡ	(2.315.560.558)	-	-	-	-	(2.315.560.558)
Số dư ngày 31/12/2025	289.971.730.356	204.705.857.977	23.038.204.581	8.457.973.643	5.248.292.127	531.422.058.684
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	176.421.160.501	142.430.546.580	15.424.004.399	5.812.669.832	4.380.292.127	344.468.673.439
Khấu hao trong năm	16.613.590.215	12.276.830.986	1.830.198.416	858.620.821	11.229.169	31.590.469.607
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.539.307.534)	-	-	-	(4.539.307.534)
Giảm do tháo dỡ	(2.288.419.116)	-	-	-	-	(2.288.419.116)
Số dư ngày 31/12/2025	190.746.331.600	150.168.070.032	17.254.202.815	6.671.290.653	4.391.521.296	369.231.416.396
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	110.843.926.086	39.121.445.779	7.614.200.182	2.353.525.196	714.000.000	160.647.097.243
Tại ngày 31/12/2025	99.225.398.756	54.537.787.945	5.784.001.766	1.786.682.990	856.770.831	162.190.642.288

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 181.131.873.854 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 152.955.139.899 đồng).



Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	11.407.938.627	1.448.867.720	12.856.806.347
Mua trong năm	-	695.526.500	695.526.500
Số dư ngày 31/12/2025	11.407.938.627	2.144.394.220	13.552.332.847
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	713.802.240	1.006.949.895	1.720.752.135
Khấu hao trong năm	95.173.632	316.481.096	411.654.728
Số dư ngày 31/12/2025	808.975.872	1.323.430.991	2.132.406.863
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2025	10.694.136.387	441.917.825	11.136.054.212
Tại ngày 31/12/2025	10.598.962.755	820.963.229	11.419.925.984

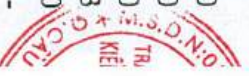
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 263.367.720 đồng)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	-	125.175.000
Phần mềm quản trị doanh nghiệp Viindoo	-	750.600.000
Quy hoạch, di dời, đầu tư máy móc phần xưởng nhuộm	138.888.889	814.078.910
Phần mềm quản lý khách sạn	-	480.917.243
Bản quyền hệ thống phần mềm FPR SPRO	-	318.600.000
Phần mềm chuyên dụng cho ngành dệt may	1.505.000.000	-
Chi phí sửa chữa khác	707.313.238	-
Cộng	2.351.202.127	2.489.371.153

12. Phải trả người bán

	31/12/2025	01/01/2025	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Nguồn hạn</i>			
Công ty CP Nhuộm Hà Nội	7.011.242.598	7.011.242.598	29.594.433.886
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	26.372.145.569	26.372.145.569	33.119.443.923
Công ty CP Dệt Lụa Nam Định	-	-	743.152.320
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoa Tiến	30.368.761.201	30.368.761.201	20.477.543.284



Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Sao Vàng	7.408.954.162	7.408.954.162	-	-
Công ty TNHH Phong Lan	-	-	7.756.058.988	7.756.058.988
Công ty CP 199	30.648.912	30.648.912	12.847.387.801	12.847.387.801
Các đối tượng khác	80.006.011.675	80.006.011.675	84.574.666.045	84.574.666.045
Cộng	151.197.764.117	151.197.764.117	189.112.686.247	189.112.686.247

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày lại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

a) Ngân hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	-	28.339.634.076	-
Các đối tượng khác	593.560.976	593.560.976	619.337.162	-
Cộng	593.560.976	593.560.976	28.958.971.238	-

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày lại thuyết minh số VIII.3

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Đơn vị tính: VND	
	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2025	
a) Phải nộp	15.952.962.872	21.902.347.238	30.921.561.707	6.933.748.403	-	-	-	-
Thuế GTGT đầu ra	-	145.826.861	145.826.861	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	184.015.088	184.015.088	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.459.929.121	8.974.105.279	12.338.851.936	3.095.182.464	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	240.420.225	2.648.383.318	2.734.724.048	154.079.495	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	246.400.000	246.400.000	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	394.551.419	383.455.296	11.096.123	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	9.901.710	9.901.710	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	22.653.312.218	34.505.530.913	46.964.736.646	10.194.106.485	-	-	-	-

b) Phải thu	565.183.134	565.183.134	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	536.139.403	674.568.708	138.429.305	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	565.183.134	1.101.322.537	674.568.708	138.429.305	-	-	-	-

15. Chi phí phải trả

Ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Trích trước tiền lương nghỉ phép	887.107.419	887.107.419	922.000.000	-
Trước trước lương tháng 14 (thường tết âm)	2.092.449.786	2.092.449.786	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Trích trước tiền thuê đất	1.673.952.932	-
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí Tư vấn chiến lược và quản trị vận hành công ty	600.000.000	-
Trích trước chi phí khác	1.225.127.123	853.949.346

Cộng

7.437.472.259	2.734.784.345
---------------	---------------

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	534.559.781	202.504.223
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	339.277.779	52.222.223
Doanh thu bán phòng nghỉ	150.282.000	150.282.000
	45.000.002	-
b) <i>Dài hạn</i>		
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	363.181.500	513.463.500
	363.181.500	513.463.500
Cộng	897.741.281	715.967.723

17. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	11.744.400.133	10.650.580.541
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.159.455.732	2.257.416.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.000.000	715.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.479.944.401	7.678.164.024
Phải trả khen thưởng thi đua	221.700.000	222.630.200
Các đối tượng khác	1.880.820.000	2.111.020.000
	7.377.424.401	5.344.513.824
b) <i>Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.858.000.000	906.000.000
	1.858.000.000	906.000.000
Cộng	13.602.400.133	11.556.580.541

c) *Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

18. Dự phòng phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng tiền lương phải trả người lao động	-	28.959.596.568
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	12.391.866.730	24.593.502.468
Cộng	12.391.866.730	53.553.099.036

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000
b) Dài hạn	7.715.173.006	7.715.173.006	-	2.772.000.000	10.487.173.006	10.487.173.006
Vay dài hạn	7.715.173.006	7.715.173.006	-	2.772.000.000	10.487.173.006	10.487.173.006
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (1)	7.715.173.006	7.715.173.006	-	2.772.000.000	10.487.173.006	10.487.173.006
Cộng	10.487.173.006	10.487.173.006	2.772.000.000	5.544.000.000	13.259.173.006	13.259.173.006

(1) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số TD01/2024-HĐCVĐĐT/NHCT380-X20 NAM DINH ngày 11/10/2024, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích sử dụng cho vay dự án đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục, hoàn tất tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (giai đoạn 1).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu năm	6.193.387.449	6.193.387.449
Trích lập quỹ	891.792.658	891.792.658
Đầu tư, mua sắm tài sản cố định	(81.502.862)	(81.502.862)
Hoàn nhập	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số cuối năm	2.503.677.245	2.503.677.245

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2024	172.500.000.000	68.091.509.624	18.615.107.354	259.206.616.978
Lãi trong năm trước	-	-	45.223.758.758	45.223.758.758
Chia cổ tức	-	-	(10.350.000.000)	(10.350.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.685.423.665	-	1.685.423.665
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.403.086.269)	(3.403.086.269)
Phân phối lợi nhuận năm 2024	-	-	(2.191.428.750)	(2.191.428.750)
Giảm khác	-	-	(476.264.283)	(476.264.283)
Số dư ngày 31/12/2024	172.500.000.000	69.776.933.289	47.418.086.810	289.695.020.099
Lãi trong năm nay	-	-	34.743.264.060	34.743.264.060
Chia cổ tức (*)	-	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(10.940.713.715)	(10.940.713.715)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	12.081.734.449	(12.081.734.449)	-
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con (**)	-	5.259.018.604	(6.276.495.254)	(1.017.476.650)
Phân chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(124.760.544)	(124.760.544)
Số dư ngày 31/12/2025	172.500.000.000	87.117.686.342	32.487.646.908	292.105.333.250

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHDCĐ ngày 27/6/2025 thì Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 10.940.713.715 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển là 12.081.734.449 đồng và chia cổ tức 10% trên Vốn điều lệ là 17.250.000.000 đồng.

(**) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của các công ty con theo Nghị quyết hội đồng thành viên năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Dầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.250.000.000	10.350.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

22. Các khoản mục ngoại tài sản cần đối kế toán hợp nhất

a) Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ

Vải (mét)	213.775,00	75.840
Chi (cuộn)	2.400,00	162
Vải, bông, phum, nhảm (yard)	34.887,50	-
Vật tư khác	2.671.810,04	734.447

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	276.266,09	179.044,06

c) Nợ khó đòi đã xử lý

		Đơn vị tính: VNĐ	
		31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.912.276.971	8.912.276.97	
UNIAO SUPRIMENTOS MILITARES LTDA EP	36.058.808	36.058.80	
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	997.191.91	

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	1.450.952.832,00
Công ty Xây dựng 472 - BD12	208.881.400	208.881.400,00
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hòa An	1.038.257.550	-
Công ty TNHH Vải sợi Tín Nghĩa	259.856.436	-
Cộng	12.903.475.907	11.605.361.921

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.115.545.482.734	1.301.769.510.923
Cộng	1.115.545.482.734	1.301.769.510.923

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	916.087.364.511	1.066.794.943.365
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(70.929.401)	(4.566.204.737)
Cộng	916.016.435.110	1.062.228.738.628

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.232.220.335	1.325.631.863
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	248.850.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	467.133.498	613.237.404
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	57.552.346	132.916.648
Cộng	3.756.906.179	2.320.635.915

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	867.078.067	487.613
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.258.965	136.887.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	12.226.826	-
Cộng	935.563.858	137.375.414

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCD, CCDC	189.126.579	244.622.222
Thu nhập từ nhận hỗ trợ, đền bù	1.215.226.910	-
Thu nhập khác	25.756.555	51.016.972
Cộng	1.430.110.044	295.639.194

6. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thanh lý nhượng bán TSCD	99.943.615	-
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	10.657.361	184.890.023
Chi ứng hộ	-	24.000.000
Thuế GTGT đầu vào không được trừ	-	124.909.273
Chi phí khác	3.486.438	5.997.166
Cộng	114.087.414	339.796.462

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	34.018.646.298	39.683.782.756
Chi phí nhân viên bán hàng	2.440.131.655	1.511.061.214
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.336.553.256	4.042.125.858
Chi phí dụng cụ đồ dùng	655.593.665	794.154.500
Chi phí khấu hao TSCD	285.800.889	172.220.557
Thuế, phí, lệ phí	219.893.180	-
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.493.329.837	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm	11.022.616.893	24.593.502.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.595.258.304	3.185.363.221
Chi phí bằng tiền khác	8.969.468.619	5.385.354.938
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	159.294.656.271	149.663.000.443
Chi phí nhân viên quản lý	90.321.860.481	51.513.269.405
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.194.839.128	1.905.558.929
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.073.146.664	4.441.315.733
Chi phí khấu hao TSCD	4.361.065.177	4.223.687.935
Dự phòng tiền lương	-	28.959.596.568
Thuế, phí, lệ phí	3.208.435.049	2.719.780.257
Chi phí dự phòng	3.655.435.415	148.849.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.795.163.158	11.392.339.713
Chi phí bằng tiền khác	40.684.711.199	44.358.602.770
c) Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(33.217.158.252)	(4.599.131.099)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(24.285.802.468)	(3.052.439.862)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(73.996.890)	(441.084.464)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	(4.500.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(4.357.358.894)	(1.105.606.773)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	492.462.158.678	560.350.622.661
Chi phí nhân công	316.671.685.842	309.847.418.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.002.124.335	33.515.434.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.569.899.244	146.399.461.844
Chi phí bằng tiền khác	97.044.060.835	131.253.721.970
Cộng	<u>1.126.749.928.934</u>	<u>1.181.366.659.914</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	9.436.547.748	11.794.996.114
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	100.219.942	-
Vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.536.767.690	11.794.996.114

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	537.271.278
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	537.271.278

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.743.264.060	45.223.758.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(4.017.476.650)	(11.446.718.800)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(4.017.476.650)	(11.446.718.800)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành	(1.017.476.650)	(11.446.718.800)
- Phân chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách	(3.000.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.725.787.410	33.777.039.958
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.781	1.958

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Các cam kết

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Kho 205 - Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Kỹ Thuật	
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết
Ông Chu Văn Đề	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Nguyễn Đức Tuấn
Bà Phan Thị Thùy
Ông Nguyễn Văn Vinh

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần 199	28.378.622	62.579.643.414
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.483.807.877	1.448.313.920
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.755.281.297	3.073.011.954
Công ty Cổ phần 22	592.690.059	385.371.482
Công ty Cổ phần 26	1.656.216.397	788.896.944
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	2.168.127.148	2.655.473.900
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	985.910.889	926.486.155
Kho 205 – Cục Quân nhu – Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật	1.191.256.438	-
Bán hàng		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	603.398.586.250	818.195.008.824
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	534.945.889
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.427.246.800	4.398.711.041
Công ty Cổ phần 199	-	(21.452.292)
Công ty Cổ phần 26	9.911.563.866	9.977.653.580
Công ty Cổ phần 22	10.972.222	-
Công ty CP Công nghiệp Hậu cần Phía Bắc	5.423.484.651	-
Cổ tức phải trả		
Bộ Quốc Phòng	12.371.190.000	7.422.714.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần 199	265.440.000	248.850.000
c) Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	259.639.000	259.639.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần 199	12.847.387.801	12.847.387.801
Công ty Cổ phần 26	293.153.815	340.112.935
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	176.544.000	176.544.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	152.257.536	152.257.536
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	6.100.670	6.100.670
Công ty Cổ phần 22	260.780.000	260.780.000

BẢN THUÝẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyếit minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Người mua trả tiền trước

Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật

28.339.634.076

28.339.634.076

Phải trả khác

Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

200.000.000

200.000.000

Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

200.000.000

200.000.000

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

500.000.000

500.000.000

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hướng trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	4.347.621.552	4.935.455.952
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	57.600.000	72.000.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	325.896.435	75.500.000
Cộng	4.731.117.987	5.082.955.952

Chi tiết từng thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm 2025		Năm 2024	
		VND	VND	VND	VND
Ông Chu Văn Đề	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.030.079.077	1.008.602.565		
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	972.300.171	968.391.051		
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)	110.422.778	780.358.839		
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	770.879.509	790.284.942		
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	751.769.452	716.084.436		
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng	712.170.564	671.734.121		
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	28.800.000	15.000.000		
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	28.800.000	15.000.000		
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	21.000.000		
Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	21.000.000		
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	21.000.000		
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (không chuyên trách)	139.808.199	27.500.000		
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	91.590.428	24.000.000		
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	94.497.808	24.000.000		
Cộng		4.731.117.987	5.082.955.955		

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần X20 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chu Văn Dê